

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 60/2024/DS-ST
Ngày: 12 - 9 - 2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng
tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY - TỈNH HẬU GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đông Hà.

2. Ông Đặng Văn Côn.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Điền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 73/2024/TLST-DS, ngày 12 tháng 6 năm 2024 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 226/2024/QĐXXST-DS, ngày 02 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 181/2024/QĐXXST-DS, ngày 23 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S1; địa chỉ trụ sở: Số B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ nhận văn bản tố tụng: Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 (TMCP) - Chi nhánh H; Số C, đường C tháng 2, Khu V, phường E, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền:

- Ông Cao Hồng S - Giám đốc Chi nhánh H (Vắng mặt).

- Ông Trương Lê V - Chuyên viên quản lý nợ (Có mặt);

(Theo Văn bản uỷ quyền số 3524/2023/QĐ-PC ngày 25/12/2023 của Tổng Giám đốc; Văn bản uỷ quyền số 68/2024/UQ-CNHG, ngày 10/7/2024 của Giám đốc Chi nhánh H).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Vũ M, sinh năm 1986; nơi cư trú: Ấp E, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hậu Giang (Vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08/4/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần SI - Chi nhánh H (sau đây viết tắt là: Ngân hàng hoặc Ngân hàng TMCP, do ông Trương Lê V đại diện) trình bày: Vào ngày 24/3/2017, giữa nguyên đơn với bị đơn ông Nguyễn Vũ M có ký kết một Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng). Theo thoả thuận, Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng cho ông Nguyễn Vũ M với hạn mức sử dụng là 15.000.000đ, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông M đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 52.308.000đ.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Nguyễn Vũ M đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 73.057.000đ (Thứ tự thanh toán căn cứ theo bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bị đơn không có thiện chí trả nợ, đến ngày 29/02/2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc bị đơn có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 31/3/2024, tổng cộng là 17.373.751đ (trong đó: dư nợ 16.659.511đ và lãi quá hạn 714.240đ); và ông Nguyễn Vũ M còn phải thanh toán khoản lãi phát sinh kể từ ngày 01/4/2024 cho đến khi hoàn tất các khoản vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký.

Bị đơn ông Nguyễn Vũ M: Quá trình thu thập chứng cứ, mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không lý do, cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tình tiết, sự kiện các bên đã thống nhất và không thống nhất: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 - Chi nhánh H (sau đây viết tắt là: Ngân hàng) khởi kiện bị đơn là ông Nguyễn Vũ M để yêu cầu thanh toán nợ theo Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kiêm hợp đồng; do bị đơn cư trú tại ấp E, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hậu Giang. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 16 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng, Tòa án thụ lý theo quan hệ “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

[1.2] Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng (áp dụng cho khách hàng cá nhân) ngày 24/3/2017; bản phô tô Sổ hộ khẩu gia đình và Hợp đồng lao động (phô tô), đều ghi nhận địa chỉ nơi cư trú của ông Nguyễn Vũ M được ghi trong các văn bản nêu trên đều thuộc ấp E, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hậu Giang; như vậy, Ngân hàng đã ghi đúng địa chỉ giao dịch của bị đơn được ghi trong các tài liệu nêu trên; theo xác minh của Ngân hàng, hiện nay ông Nguyễn Vũ M không có mặt ở địa chỉ cư trú tại thời điểm ký kết hợp đồng, giao dịch; coi như bên có nghĩa vụ (ông M) thay đổi địa chỉ nơi cư trú mới mà không thông báo cho bên có quyền (Ngân hàng) được biết; do đó, ông Nguyễn Vũ M bị coi là cố tình giấu địa chỉ cư trú, nhằm trốn tránh trách nhiệm với bên có quyền.

[1.3] Vụ án Tòa án không thu thập chứng cứ; căn cứ Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Thông tư liên tịch số 02/2026/TTLT-VKSNDTC-TANDTC, ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Tòa án nhân dân tối cao: “Quy định việc phối hợp giữa Viện kiểm sát nhân dân và Tòa án nhân dân trong việc thi hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự”, thì vụ án không thuộc trường hợp Kiểm sát viên phải tham gia phiên tòa.

[1.4] Về xét xử vắng mặt: Ông Nguyễn Vũ M đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vắng mặt, không lý do, cũng không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan, không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, để xét xử vắng mặt.

[2] Áp dụng pháp luật về nội dung: Giao dịch giữa các bên được ký kết, thực hiện vào năm 2017, nên áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

[3] Theo Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ngày 24/3/2017, do Ngân hàng khởi kiện; để chứng minh cho yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ và hợp pháp thì Ngân hàng cung cấp bản sao được công chứng “Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng” ngày 24/3/2017, trong đó ghi đầy đủ thông tin cá nhân của ông Nguyễn Vũ M, bên dưới chữ “Chữ ký và họ tên của Chủ thẻ

chính” có chữ ký và ghi rõ họ tên ông Nguyễn Vũ M; theo thoả thuận, Ngân hàng cấp tín dụng cho ông M số tiền 15.000.000đ, số tiền này được chuyển vào Thẻ tín dụng quốc tế M1, kèm theo Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S1 (đơn vị phát hành thẻ, có hiệu lực từ ngày 15/8/2016).

[3.1] Theo thoả thuận, ông Nguyễn Vũ M được Ngân hàng cấp Thẻ tín dụng, hạn mức tín dụng 15.000.000đ, như nhận định tại mục [3]; qua đó đã có căn cứ để xác định, vào ngày 24/3/2017 ông Nguyễn Vũ M có vay 15.000.000đ của Ngân hàng TMCP S1 là có thật.

[3.2] Về lãi suất: theo mục “Cam kết” của Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kèm Hợp đồng ngày 24/3/2017 dẫn chiếu đến Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng; tại mục 1.31 bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng (đơn vị phát hành thẻ, có hiệu lực từ ngày 15/8/2016) thì: “1.31) *Lãi suất là lãi suất thoả thuận giữa đơn vị phát hành thẻ và chủ thẻ*”; sau đó các bên xác lập giao dịch theo Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kèm Hợp đồng ngày 24/3/2017 để cấp tín dụng cho ông M; theo bản tóm tắt sao kê tài khoản của khách hàng, số thẻ 356480-7637, khoản vay này tính đến ngày 12/9/2024 (ngày xét xử sơ thẩm) ông M còn dư nợ 16.659.511đ và 4.515.840đ tiền lãi; tổng cộng vốn lãi tính đến ngày 12/9/2024 là 21.175.351đ. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận, nên bị đơn ông Nguyễn Vũ M phải chịu án phí có giá ngạch với số tiền tổng cộng vốn lãi là $21.175.351đ \times 5\% = 1.058.767đ$.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 85, khoản 1 và khoản 4 Điều 91, Điều 93, Điều 94, các khoản 1, 2, 10 Điều 95, Điều 96, khoản 2 Điều 97, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, các Điều 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14: Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng: các Điều 40, 85, 116, 117, 118, 119, 134, 135, 136, 138, 274, 275, 280, 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Các khoản 14, 16, 22 Điều 4, Điều

91, Điều 95, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 - Chi nhánh H về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Vũ M trả nợ vay theo Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kèm Hợp đồng, ngày 24/3/2017.

2. Buộc ông Nguyễn Vũ M có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 - Chi nhánh H số tiền vốn lãi theo Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kèm Hợp đồng, ngày 24/3/2017 tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 12/9/2024) tổng cộng là: 21.175.351đ (Hai mươi một triệu một trăm bảy mươi lăm ngàn ba trăm năm mươi một đồng; trong đó: nợ gốc 16.659.511đ, lãi quá hạn 4.515.840đ).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 13/9/2024) cho đến khi thi hành án xong khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kèm Hợp đồng, ngày 24/3/2017.

Trường hợp trong Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kèm Hợp đồng, ngày 24/3/2017 các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Buộc ông Nguyễn Vũ M phải chịu án phí số tiền là: 1.058.767đ (Một triệu không trăm năm mươi tám ngàn bảy trăm sáu mươi bảy đồng).

3.2. Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 - Chi nhánh H được nhận lại 443.000đ (Bốn trăm bốn mươi ba ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0008712, ngày 12/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang;

4. *Quyền kháng cáo:* Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THA DS h.Vị Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP;
- Công TTĐT (để công bố);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Văn Hùng